TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ- ST
Ngày: 22/03/2024.
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
****/ Thẩm phán - Chủ toạ pH3 toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1.
****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T1 và bà Lê Thị O .
- Thư ký pH3 tòa: Bà Vũ Nhật L - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia pH3 tòa: Ông Nguyễn Hữu T A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở pH3 tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2024, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04/03/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đội E, thôn H2, xã T2, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Cà Thị H3, sinh năm 1995. Nơi đăng ký HKTT: thôn H2, xã T2, huyện K, tỉnh H. Hiện ở tại: bản P, xã M, huyện T3, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Cà Thị Phương Tr - sinh ngày 12/02/2021; Địa chỉ: bản P, xã M, huyện T3, tỉnh Đ. Người giám hộ cho cháu Tr là chị H3, anh T là bố mẹ đẻ của cháu. (Vắng mặt).

Người làm chứng*:* Bà Lê Thị H4, sinh năm 1967. Địa chỉ: Đội E, thôn H2, xã T2, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn xin ly hôn và các biên bản ghi lời khai của đương sự tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn anh T trình bày:* Anh T với cô Cà Thị H3, sinh năm 1995 là người ở bản P, xã M, huyện T3, tỉnh Đ.có được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2 vào ngày 08/07/2014. Sau khi kết hôn thì anh T, chị H3 chung sinh sống ở thôn H2, xã T2, huyện K. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống về nếp sống, nếp ăn, vợ chồng không thể nói chuyện, chia sẻ, không thông cảm, thấu hiểu cho nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lớn, nên đến năm 2019, chị H3 bỏ về nhà mẹ đẻ và sinh sống luôn từ

đó cho đến nay. Sau khi chị H3 bỏ đi, anh T cũng nhiều lần tìm gặp đề nghị chị H3 đoàn tụ nhưng chị H3 không đồng ý về. Nay, anh T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn chị H3 để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai của chị H3 gửi về tòa án có trình bày quan điểm: Chị H3 thừa nhận hoàn cảnh, điều kiện đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng. Chị H3 cho rằng trong quá trình chung sống do hai bên không có tiếng nói chung, xảy ra nhiều bất đồng và đã sống ly thân nhau. Nay sau khi hai bên bàn bạc và đều nhận thấy không thể níu kéo quan hệ hôn nhân để hàn gắn cùng chung sống nên anh chị thống nhất ly hôn nhau. Nhưng vì chị H3 bận công việc không thể trực tiếp tham gia tố tụng được nên để thuận tiện cho cả hai bên thì anh chị thống nhất để anh T đứng đơn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H nơi anh T đang sinh sống và cũng là nơi anh chị đăng ký kết hôn thụ lý, giải quyết vụ án trên cho anh chị. Do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn và quan điểm không có gì khác nên chị H3 đề nghị Tòa án không phải báo chị đến làm việc nữa. Chị H3 xác định không còn tình cảm gì với anh T nên từ chối tham gia các buổi hòa giải, đối chất, pH3 họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ..., đồng thời chị H3 cũng xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

* *Về con chung:* Anh T và chị H3 đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh T5, sinh ngày 08/09/2015 và cháu Cà Thị Phương Tr, sinh ngày 12/02/2021. Cháu Trung đã mất ngày 09/09/2023. Cháu Tr thì hiện ở cùng với chị H3. Cháu Tr phát triển bình thường về thể chất và tâm thần. Ngoài ra, anh chị không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, bản thân chị H3 hiện cũng không mang thai. Khi ly hôn, anh T và chị H3 đều thống nhất giao cháu Tr cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành, không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

* *Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:* Anh T và chị H3 đều khẳng định: Không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án ly hôn này.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh T, bị đơn chị H3 đều đã được triệu tập tham gia pH3 tòa nhưng đều có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt; Người làm chứng là bà Lê Thị H4 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng có quan điểm xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của BLTTDS năm 2015.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị HĐXX xử cho anh T được ly hôn với chị H3; Đề nghị xử giao cháu Cà Thị Phương Tr, sinh ngày 12/02/2021 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH3 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại pH3 toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1/ ***Về tố tụng***: Chị H3 đăng ký HKTT tại thôn Sài Quất xã T2, huyện K, tỉnh H, hiện đang tạm trú tại bản P, xã M, huyện T3, tỉnh Đ. Anh T có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn cho anh và chị H3, được chị H3 đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết. Nên căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Anh T, chị H3 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng là bà H4 đã được triệu tập tham gia pH3 tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại pH3 tòa. Nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

2/ ***Về quan hệ hôn nhân****:* Anh T và chị H3 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T2 vào ngày 08/07/2014 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nH3, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh T, chị H3 không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân nhau. Anh T và chị H3 đều xác định không còn tình cảm với với nhau, không thể chung sống đoàn tụ cùng nhau nên anh T xin ly hôn chị H3 cũng hoàn toàn nhất trí.

Ngoài ra, theo xác minh tại địa phương xã T2, lời khai của anh T, chị H3 và chính người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị H3 có nhiều mâu thuẫn, đã được người thân trong gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều nhưng không có kết quả. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị H3 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn và chị H3 cũng nhất trí. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

3/ ***Về con chung*****:** Cả hai anh chị đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh T5, sinh ngày 08/09/2015 và cháu Cà Thị Phương Tr, sinh ngày 12/02/2021. Cháu Trung đã mất ngày 09/09/2023. Cháu Tr thì hiện ở cùng với chị H3. Lý do

cháu Tr mang họ Cà là do khi chị H3 sinh cháu Tr thì anh T6 và chị H3 đang sống ly thân nên chị H3 đã khai sinh cho cháu Tr theo họ mẹ.

Xét nguyện vọng của anh T, chị H3 về việc giao con chung cho chị H3 trực tiếp nuôi dưỡng thì thấy rằng con chung của anh chị là cháu Tr đang còn rất nhỏ, đang ở cùng chị H3 ổn định. Nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị H3 được anh T nhất trí. Vì vậy, có căn cứ để giao con chung là cháu Cà Thị Phương Tr, sinh ngày 12/02/2021 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung của mình và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo theo quy định tại Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

4/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị H3 đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

5/ Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh T và chị H3 đều khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án ly hôn này.

6*/ Về án phí:* Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001116 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

7/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn T được ly hôn với chị Cà Thị H3.

2/ Về con chung: Giao cháu Cà Thị Phương Tr, sinh ngày 12/02/2021 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đặt ra việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung của mình và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4/ Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001116 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên anh T đã nộp xong án phí của mình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T2;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa pH3 tòa

Nguyễn Thị Thu H1